

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN NGÀNH K58Kính gửi: **CÁC VIỆN ĐÀO TẠO**

Căn cứ kết quả xử lý số liệu phân ngành cho sinh viên K58, Phòng Đào tạo Đại học thông báo kết quả để các Viện được biết như sau:

1. Nhóm ngành có điểm chuẩn (01, 02, 03 và Cử nhân Công nghệ)

- Điểm chuẩn NV1, NV2 và NV3:

TT	Nhóm ngành	Ngành/CTĐT	Điểm chuẩn NV1	Điểm chuẩn NV2	Điểm chuẩn NV3	Số lượng
1.	01	Kỹ thuật Cơ khí	1,09	1,39	1,69	480
2.		Kỹ thuật Cơ điện tử	3,11	-	-	152
3.		Kỹ thuật Cơ khí động lực	2,17	2,47	-	170
4.		Kỹ thuật tàu thủy	-	-	0,3	11*
5.		Kỹ thuật Hàng không	-	-	0,26	48
6.		Kỹ thuật nhiệt lạnh	0,19	0,49	0,79	151
7.	02	Kỹ thuật Điện	0,43	0,73	1,03	120
8.		Kỹ thuật ĐK&TĐH	2,68	-	-	250
9.		Điện tử-Truyền thông	1,18	1,48	-	335
10.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin – Truyền thông 1	1,98	2,28	2,58	100
11.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin – Truyền thông 2	2,90	-	-	200
12.		Toán Tin	-	-	-	38*
13.	03	Kỹ thuật Hóa học	1,05	1,35	-	360
14.		Hóa học	-	-	0,3	31
15.		KT In & Truyền thông	0,1	0,4	0,7	12*
16.		Kỹ thuật Thực phẩm	2,97	-	-	121
17.		Kỹ thuật sinh học	1,08	1,38	-	100
18.		Kỹ thuật Môi trường	0,76	1,06	1,36	120
19.	Khởi CN công nghệ	Công nghệ chế tạo máy	1,03	1,33	-	122
20.		Cơ điện tử	1,76	-	-	140
21.		Công nghệ KT Ô-tô	-	-	0,19	101*
22.		Điều khiển-Tự động hóa	1,28	1,58	-	180
23.		Điện tử - Truyền thông	-	-	0,26	163
24.		Công nghệ thông tin	1,19	1,49	-	180
25.		Công nghệ hóa học	0,19	0,49	0,79	89
26.		Công nghệ thực phẩm	1,89	-	-	100

Ghi chú: * - Ngành còn thiếu chỉ tiêu

- Tất cả sinh viên đạt điểm xét theo NV1, NV2 hoặc NV3 được xếp theo đúng nguyện vọng. Những sinh viên không đạt cả 3 nguyện vọng sẽ được xếp vào một trong các ngành còn chỉ tiêu thuộc nhóm ngành.

2. Nhóm ngành theo nguyện vọng (00, 04, 05, 06)

- Sinh viên được xếp ngành theo nguyện vọng đăng ký. Số lượng sinh viên nhóm ngành KT0 đăng ký vào 3 ngành KT tàu thủy, Hóa học, KT In và Truyền thông được tính gộp vào các ngành trên theo bảng sau:

STT	Ngành/CTĐT	Số lượng xét	Nguyện vọng (nhóm KT0)	Tổng số
1	KT Tàu thủy	11	29	40
2	Hóa học	31	24	55
3	KT In & Truyền thông	12	13	25

- Các ngành Sư phạm kỹ thuật + KT Điện, KT Cơ khí, KT Cơ khí động lực không mở do số lượng đăng ký quá ít. Sinh viên đăng ký NV1 vào các ngành này sẽ được xét vào Sư phạm kỹ thuật + KT điện tử, truyền thông.

Số lượng SV các ngành:

STT	Ngành/CTĐT	Số lượng
1.	KT Vật liệu	67
2.	KT Vật liệu kim loại (luyện kim)	26
3.	KT Dệt May	158
4.	SPKT + CNTT	15
5.	SPKT + Điện tử, truyền thông	13
6.	Vật lý kỹ thuật	99
7.	KT hạt nhân	59
8.	Kinh tế công nghiệp	72
9.	Quản trị kinh doanh	48
10.	Kế toán	77
11.	Quản lý công nghiệp	93
12.	Tài chính – Ngân hàng	23

Hiện nay vẫn còn một số SV chưa nộp đơn đăng ký phân ngành, Phòng ĐTDH đã thông báo để SV nộp đơn xin phân ngành bổ sung vào các ngành còn chỉ tiêu.

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN NGÀNH K57

Căn cứ kết quả phân ngành cho sinh viên K57 đã được Ban Giám hiệu phê duyệt, Phòng Đào tạo Đại học thông báo như sau:

1. Nhóm ngành có điểm chuẩn (01, 02, 03 và Cử nhân Công nghệ)

- Điểm chuẩn NV1, NV2 và NV3:

TT	Nhóm ngành	Ngành/CTĐT	Điểm chuẩn NV1	Điểm chuẩn NV2	Điểm chuẩn NV3
1.	01	Kỹ thuật Cơ khí	1,17	1,47	1,77
2.		Kỹ thuật Cơ điện tử	2,92	-	-
3.		Kỹ thuật Cơ khí động lực	2,12	2,42	-
4.		Kỹ thuật Hàng không	0,37	0,67	0,97
5.	02	Kỹ thuật Điện	0,45	0,75	1,05
6.		Kỹ thuật ĐK&TĐH	2,24	2,54	-
7.		Điện tử-Truyền thông	0,71	1,01	1,31
8.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin - Truyền thông 1	1,53	1,83	2,13
9.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin - Truyền thông 2	2,78	-	-
10.	03	Kỹ thuật Hóa học	0,99	1,29	-
11.		Kỹ thuật Thực phẩm	2,25	-	-
12.		Kỹ thuật Môi trường	1,17	1,47	-
13.	Khối CN công nghệ	Công nghệ chế tạo máy	0,90	1,20	1,50
14.		Cơ điện tử	1,90	-	-
15.		Công nghệ KT Ô-tô	0,03	0,33	0,63
16.		Điều khiển-TĐH	0,76	1,06	-
17.		Điện tử - Truyền thông	0,27	0,57	-
18.		Công nghệ thông tin	1,60	-	-
19.		Công nghệ hóa học	0,74	1,04	-
20.		Công nghệ thực phẩm	2,02	-	-

- Tất cả sinh viên đạt điểm xét theo NV1, NV2 hoặc NV3 được xếp theo đúng nguyện vọng. Những sinh viên không đạt cả 3 nguyện vọng sẽ được xếp vào một trong các ngành còn chỉ tiêu thuộc nhóm ngành.

- Ngành Kỹ thuật tàu thủy không mở do số lượng sinh viên đăng ký quá ít. Sinh viên đăng ký NV1 vào ngành này sẽ được xét các NV2 và NV3 hoặc được xếp vào ngành còn chỉ tiêu.

- Ngành Hóa học và Kỹ thuật In & Truyền thông (thuộc nhóm ngành 03) vẫn còn chỉ tiêu. Nhà trường sẽ tổ chức đăng ký bổ sung vào 2 ngành này cho các đối tượng sinh viên chưa được phân ngành. Chi tiết cụ thể sẽ thông báo sau.

2. Nhóm ngành theo nguyện vọng (04, 05, 06)

- Sinh viên được xếp ngành theo nguyện vọng đăng ký
- Các ngành không mở do số lượng đăng ký quá ít gồm: Kỹ thuật Dệt, Công nghệ Da giày, Sư phạm kỹ thuật (+ KT Điện, KT Điện tử, KT Cơ khí, KT Cơ khí động lực), Quản lý công nghiệp. Sinh viên đăng ký NV1 vào các ngành này sẽ được xét NV2 và NV3.

3. Chú ý:

- Các trường hợp sinh viên không nộp đơn xin phân ngành, Phòng ĐTĐH sẽ thông báo và cho đăng ký nguyện vọng bổ sung vào các ngành còn chỉ tiêu. Nếu các SV này tiếp tục không đăng ký sẽ bị xử lý hủy đăng ký học tập trong học kỳ 20131.

Thông báo phân ngành bổ sung cho SV chưa được phân ngành xem tại đây.

Danh sách SV chưa được phân ngành (không đạt đúng NV) tại đây.

Danh sách SV chưa được phân ngành do không nộp đơn xem tại đây.

- Sinh viên có thể xem kết quả phân ngành cụ thể của cá nhân và thông tin về lớp sinh viên trên hệ thống SIS (<http://sis.hust.edu.vn>).

- Sinh viên xin tạm dừng học kỳ 20122; sinh viên thuộc diện bị cảnh cáo học tập mức 3 (sau học kỳ 20122) và sinh viên sẽ bị xử lý đình chỉ học kỳ 20131 (do GPA 20122 = 0) hiện tại không được Nhà trường xếp ngành.

- Nhà trường sẽ xếp thời khóa biểu chuẩn học kỳ 20131 cho K57 (tuần học chính thức bắt đầu từ ngày 19/8/2012). Sinh viên có thể điều chỉnh đăng ký học tập theo lịch điều chỉnh đăng ký trên trang <http://sis.hust.edu.vn>.

- Kết quả xếp ngành/CTĐT đã được Ban giám hiệu ký duyệt, Nhà trường không nhận đơn xin chuyển ngành của bất cứ sinh viên nào.

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

PGS.TS Trần Trung Kiên

(đã ký)

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN NGÀNH K56**Khối Cử nhân Công nghệ**

Căn cứ kết quả phân ngành cho sinh viên K56 khối cử nhân công nghệ đã được Ban Giám hiệu phê duyệt, Phòng Đào tạo Đại học thông báo điểm chuẩn vào các ngành/CTĐT như sau:

TT	Nhóm ngành	Ngành/CTĐT	Điểm chuẩn NV1	Điểm chuẩn NV2	Điểm chuẩn NV3
1.	CN1	Công nghệ chế tạo máy	0,61	0,91	1,21
2.		Cơ điện tử	1,43	1,73	-
3.	CN2	Điện tử - Truyền thông	0,17	0,47	-
4.		Công nghệ thông tin	1,38	-	-
5.	CN3	Công nghệ hóa học	0,24	0,54	-
6.		Công nghệ thực phẩm	0,99	-	-

- Tất cả sinh viên đạt điểm xét theo NV1, NV2 hoặc NV3 đều được xếp theo đúng nguyện vọng. Những sinh viên không đạt cả 3 nguyện vọng được Nhà trường xếp vào một trong các ngành còn chỉ tiêu thuộc nhóm ngành.

- Ngành Cử nhân công nghệ kỹ thuật Nhiệt không được mở do số lượng sinh viên đăng ký quá ít. Sinh viên đăng ký NV1 vào các ngành này sẽ được xét NV2 và NV3.

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**PGS.TS Trần Trung Kiên***(đã ký)*

Số: 144 /TB/ĐHBK-ĐTĐH

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2012

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN NGÀNH K56

(Sửa đổi)

Căn cứ kết quả phân ngành cho sinh viên K56 đã được Ban Giám hiệu phê duyệt, Phòng Đào tạo Đại học xin thông báo như sau:

1. Nhóm ngành có điểm chuẩn (01, 02, 03)

- Điểm chuẩn NV1, NV2 và NV3:

TT	Nhóm ngành	Ngành/CTĐT	Điểm chuẩn NV1	Điểm chuẩn NV2	Điểm chuẩn NV3
1.	01	Kỹ thuật Cơ khí	1,14	1,44	1,74
2.		Kỹ thuật Cơ điện tử	2,70	-	-
3.		Kỹ thuật Cơ khí động lực	1,94	2,24	-
4.	02	Điện	0,51	0,81	-
5.		Điện tử-Truyền thông	0,86	1,16	-
6.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin - Truyền thông 1	0,92	1,22	-
7.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin - Truyền thông 2	2,35	-	-
8.	03	Kỹ thuật Hóa học	0,65	0,95	-
9.		Kỹ thuật Thực phẩm	1,44	-	-
10.		Kỹ thuật Môi trường	0,45	0,75	1,05

- Tất cả sinh viên đạt điểm xét theo NV1, NV2 hoặc NV3 đều được xếp theo đúng nguyện vọng. Những sinh viên không đạt cả 3 nguyện vọng được Nhà trường xếp vào một trong các ngành còn chỉ tiêu thuộc nhóm ngành.

- Ngành Cơ kỹ thuật, Hóa học không mở do số lượng sinh viên đăng ký quá ít. Sinh viên đăng ký NV1 vào các ngành này sẽ được xét NV2 và NV3.

2. Nhóm ngành theo nguyện vọng (04, 05, 06)

- Sinh viên được xếp ngành theo nguyện vọng đăng ký

- Các ngành không mở do số lượng đăng ký quá ít gồm: Kỹ thuật Dệt, Công nghệ da dầy, Sư phạm kỹ thuật - Cơ khí, Sư phạm kỹ thuật - Cơ khí động lực. Sinh viên đăng ký NV1 vào các ngành này sẽ được xét NV2 và NV3.

3. Các nhóm ngành Cử nhân công nghệ : Sẽ có thông báo kết quả ngay sau khi hoàn thành xử lý học tập (dự kiến vào ngày 15/8/2012).

4. Chú ý:

- Sinh viên được phân vào Viện Điện và Viện Công nghệ Thông tin-Truyền thông sẽ được đăng ký tiếp nguyện vọng vào các ngành hoặc CTĐT trong các học kỳ tới.

- Sinh viên có thể xem kết quả phân ngành cụ thể của cá nhân và thông tin về lớp sinh viên trên hệ thống SIS (<http://sis.hut.edu.vn>).

- Sinh viên xin tạm dừng học kỳ 20112; sinh viên thuộc diện bị cảnh cáo học tập mức 3 (sau học kỳ 20112) và sinh viên sẽ bị xử lý đình chỉ học kỳ 20121 (do GPA 20112 = 0) hiện tại không được Nhà trường xếp ngành.

- Nhà trường sẽ xếp thời khóa biểu chuẩn học kỳ 20121 cho K56 (tuần học chính thức bắt đầu từ ngày 20/8/2012). Sinh viên nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo của mình và gỡ gỡ cố vấn học tập để có thể điều chỉnh đăng ký học tập trên hệ thống SIS. Lịch điều chỉnh đăng ký: xem thông báo trên trang <http://sis.hut.edu.vn> hoặc <http://dtdh.hut.edu.vn> .

- Kết quả xếp ngành/CTĐT đã được Ban giám hiệu ký duyệt, Nhà trường không nhận đơn xin chuyển ngành của bất cứ sinh viên nào.

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

PGS.TS Trần Trung Kiên

(đã ký)

Số: 680/TB/ĐHKBK-ĐTĐH

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2011

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN NGÀNH K55

Căn cứ kết quả phân ngành cho sinh viên K55 đã được Ban Giám hiệu phê duyệt, Phòng Đào tạo Đại học thông báo như sau:

1. Nhóm ngành 01, 02 và 03

- Điểm chuẩn NV1, NV2 và NV3:

TT	Nhóm ngành	Ngành/CTĐT	Điểm chuẩn NV1	Điểm chuẩn NV2	Điểm chuẩn NV3
1.	01	Kỹ thuật Cơ khí	0,96	1,26	1,56
2.		Kỹ thuật Cơ điện tử	2,92	-	-
3.		Kỹ thuật Cơ khí động lực	1,56	1,86	-
4.		Kỹ thuật Hàng không	0,69	0,99	-
5.	02	Điện (chưa phân ngành)	1,31	1,61	1,91
6.		Điện tử-Viễn thông	0,74	1,04	
7.		Công nghệ Thông tin - Truyền thông (chưa phân ngành)	2,29	-	-
8.	03	Kỹ thuật Hóa học	1,56	-	-
9.		Kỹ thuật Thực phẩm	1,05	1,35	-
10.		Kỹ thuật Môi trường	1,08	1,38	-

- Tất cả sinh viên đạt điểm xét theo NV1, NV2 hoặc NV3 đều được xếp theo đúng nguyện vọng. Những sinh viên không đạt cả 3 nguyện vọng được Nhà trường xếp vào một trong các ngành còn chỉ tiêu thuộc nhóm ngành.

- Ngành Cơ kỹ thuật không mở do số lượng sinh viên đăng ký NV1 quá ít. Sinh viên đăng ký NV1 vào ngành Cơ kỹ thuật sẽ được xét các NV2 và NV3.

2. Nhóm ngành 04, 05, 06 và khối Cử nhân Công nghệ

- Sinh viên được xếp ngành theo nguyện vọng đăng ký

- Các ngành không mở do số lượng đăng ký NV1 quá ít gồm: Kỹ thuật luyện kim, Kỹ thuật Dệt, Quản lý công nghiệp. Sinh viên đăng ký NV1 vào các ngành này sẽ được xét NV2.

3. Chú ý:

- Sinh viên được xếp vào Viện Điện và Viện Công nghệ Thông tin - Truyền thông sẽ được các Viện phân ngành/CTĐT trong các học kỳ tới.
- Kết quả xếp ngành đã được Ban giám hiệu ký duyệt, Nhà trường không nhận đơn xin chuyển ngành của bất cứ sinh viên nào.
- Sinh viên có thể xem kết quả phân ngành cụ thể của cá nhân và thông tin về lớp sinh viên trên hệ thống SIS (<http://sis.hut.edu.vn>).
- Sinh viên xin tạm dừng học kỳ 20102; sinh viên thuộc diện bị cảnh cáo học tập mức 3 (sau học kỳ 20102) và sinh viên sẽ bị xử lý đình chỉ học kỳ 20111 (do GPA 20102 = 0) hiện tại không được Nhà trường xếp ngành.
- Sinh viên chưa được phân ngành của các khóa 52, 53, 54 (các lớp BK100) có thể làm đơn xin phân ngành cùng K55 gửi Phòng ĐTDH (C1-201). Thời gian nhận đơn từ 11/8/2011 đến 16/8/2011. Mẫu đơn có thể tải từ địa chỉ <http://dtdh.hut.edu.vn>.
- Nhà trường đã xếp thời khóa biểu chuẩn cho học kỳ 3 của K55 (kỳ I năm học 2011-2012, tuần học chính thức bắt đầu từ ngày 22/8/2011). Sinh viên nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo của mình và gặp gỡ cố vấn học tập để có thể điều chỉnh đăng ký học tập trên hệ thống SIS. Lịch điều chỉnh đăng ký: xem thông báo trên trang (<http://sis.hut.edu.vn>).

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

TS. Trần Trung Kiên

(đã ký)

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2010

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN NGÀNH K54

Căn cứ kết quả phân ngành cho sinh viên K54 đã được Ban Giám hiệu phê duyệt, Phòng Đào tạo Đại học thông báo như sau.

1. Các ngành có điểm chuẩn nguyện vọng 1 (NV1) và nguyện vọng 2 (NV2):

TT	Ngành	Điểm chuẩn NV1	Điểm chuẩn NV2
1	Cơ điện tử 2009	2,00	Không xét
2	Cơ khí động lực 2009	Không có	2,74
3	Điện 2009	2,87	Không xét
4	Điện tử-Viễn thông 2009	3,12	Không xét
5	Kỹ thuật máy tính và truyền thông 2009	2,28	Không xét
6	Công nghệ thông tin 2009	3,07	Không xét
7	Toán-tin ứng dụng 2009	1,89	Không xét
8	Kỹ thuật Hóa học 2009	Không có	2,68

* Ghi chú: Do số lượng sinh viên đăng ký quá ít, những sinh viên đạt NV1 hoặc NV2 ngành Hóa học được chuyển sang Kỹ thuật hóa học, các ngành Kế toán và Quản lý công nghiệp được chuyển sang ngành Kinh tế công nghiệp.

2. Tất cả sinh viên đạt điểm xét theo NV 1 hoặc NV 2 đều được xếp theo đúng nguyện vọng. Những sinh viên không đạt cả nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2 được Nhà trường xếp vào một trong các ngành còn chỉ tiêu. Riêng số sinh viên bị đình chỉ học tập vì lý do kết quả học tập kém chưa được xếp ngành trong năm nay. Kết quả xếp ngành đã được Ban giám hiệu ký duyệt, Nhà trường không nhận đơn xin chuyển ngành của bất cứ sinh viên nào.

3. Sinh viên có thể xem kết quả phân ngành cụ thể của cá nhân và thông tin về lớp sinh viên trên hệ thống SIS (<http://sis.hut.edu.vn/>).

4. Nhà trường đã xếp thời khóa biểu chuẩn cho học kỳ 3 của K54 (kỳ I năm học 2010-2011, ký hiệu 20101, tuần học chính thức bắt đầu từ ngày 23/8/2010). Sinh viên nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo của mình và gặp gỡ cố vấn học tập để có thể điều chỉnh đăng ký học tập trên hệ thống SIS. Lịch điều chỉnh đăng ký (bao gồm cả đăng ký học lại các học phần năm thứ nhất) sẽ mở từ ngày 16/8/2010 tới 16 giờ ngày 27/8/2010.

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2015

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN NGÀNH K59

Căn cứ kết quả phân ngành cho sinh viên K59 đã được Ban Giám hiệu phê duyệt, Phòng Đào tạo Đại học thông báo như sau:

1. Nhóm ngành có điểm chuẩn (01, 02, 03 và Cử nhân Công nghệ)

- Điểm chuẩn NV1, NV2 và NV3:

TT	Nhóm ngành	Ngành/CTĐT	Điểm chuẩn NV1	Điểm chuẩn NV2	Điểm chuẩn NV3
1.	01	Kỹ thuật Cơ khí	1,04	1,34	-
2.		Kỹ thuật Cơ điện tử	2,73	-	-
3.		Kỹ thuật Cơ khí động lực	1,43	1,73	-
4.		Kỹ thuật Hàng không	0,32	0,62	0,92
5.		Kỹ thuật ĐK&TĐH	2,72	3,02	-
6.		Điện tử-Truyền thông	1,06	1,36	1,66
7.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin – Truyền thông 1	2,01	2,31	-
8.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin – Truyền thông 2	3,20	-	-
9.	03	Kỹ thuật Hóa học	1,47	1,77	2,07
10.		Kỹ thuật Thực phẩm	3,21	-	-
11.		Kỹ thuật sinh học	2,22	2,52	-
12.	Khối CN công nghệ	Công nghệ chế tạo máy	0,53	0,83	-
13.		Cơ điện tử	1,59	-	-
14.		Điều khiển-Tự động hóa	1,06	1,36	-
15.		Công nghệ thông tin	1,84	-	-
16.		Công nghệ thực phẩm	1,41	-	-

- Tất cả sinh viên đạt điểm xét theo NV1, NV2 hoặc NV3 được xếp theo đúng nguyện vọng.

- Những sinh viên không đạt cả 3 nguyện vọng sẽ được xếp vào một trong các ngành còn chỉ tiêu thuộc nhóm ngành, cụ thể như sau:

* SV nhóm ngành KT1 chưa được xếp ngành sẽ được xếp vào ngành Kỹ thuật tàu thủy.

* SV nhóm ngành KT3 chưa được xếp ngành sẽ được xếp vào ngành KT In & Truyền thông

2. Nhóm ngành theo nguyện vọng (04, 05, 06)

- Sinh viên được xếp ngành theo nguyện vọng đăng ký.

- Các ngành **KT Vật liệu kim loại, Sư phạm kỹ thuật và Tài chính – Ngân hàng** không mở do số lượng đăng ký quá ít. Sinh viên đăng ký NV1 vào các ngành này sẽ được xét NV2 và NV3. Các SV chỉ đăng ký NV1 vào các ngành này và hiện chưa được xếp ngành được phép đăng ký lại nguyện vọng (**nộp đơn tại Phòng Đào tạo Đại học C1-201 trước ngày 8/8/2015**).

3. Chú ý:

- Sinh viên xem kết quả phân ngành cụ thể của cá nhân và thông tin về lớp sinh viên trên hệ thống SIS (<http://sis.hust.edu.vn>) và đăng ký học tập theo thông báo ngày 10/7/2015 của Phòng Đào tạo Đại học (link tham khảo: dtdh.hust.edu.vn/tin-tuc/dang-ky-hoc-tap/124-tb-lich-dk-20151, hoặc <http://sis.hust.edu.vn>, mục Thông báo đăng ký học tập).

- Các trường hợp sinh viên không nộp đơn xin phân ngành, Phòng ĐTDH sẽ thông báo và cho đăng ký nguyện vọng bổ sung vào các ngành còn chỉ tiêu. Nếu các SV này tiếp tục không đăng ký sẽ bị xử lý hủy đăng ký học tập trong học kỳ 20151 (nếu đã tự đăng ký).

- Sinh viên K59 xin tạm dừng học kỳ 20142; sinh viên thuộc diện bị cảnh cáo học tập mức 3 (sau học kỳ 20142) và sinh viên bị xử lý đình chỉ học kỳ 20142 (do không hoàn thành học phí kỳ 20141) hiện tại không được Nhà trường xếp ngành.

- Kết quả xếp ngành đã được Ban Giám hiệu ký duyệt, Nhà trường không nhận đơn xin chuyển ngành của bất cứ sinh viên nào.

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

PGS.TS Trần Trung Kiên
(*đã ký*)

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN NGÀNH K60Kính gửi: **CÁC VIỆN ĐÀO TẠO**

Căn cứ kết quả xử lý số liệu phân ngành cho sinh viên K60, Phòng Đào tạo Đại học thông báo kết quả để các Viện được biết như sau:

1. Nhóm ngành có điểm chuẩn (01, 02, 03 và Cử nhân Công nghệ)

- Điểm chuẩn NV1, NV2 và NV3:

TT	Nhóm ngành	Ngành/CTĐT	Điểm chuẩn NV1	Điểm chuẩn NV2	Điểm chuẩn NV3	Số lượng
1.	01	Kỹ thuật Cơ khí	1,23	1,39	1,69	480
2.		Kỹ thuật Cơ điện tử	3,22	-	-	152
3.		Kỹ thuật Cơ khí động lực	1,50	1,72	-	166
4.		Kỹ thuật tàu thủy	-	-	0,3	12
5.		Kỹ thuật Hàng không	-	-	0,26	48
6.		Kỹ thuật nhiệt lạnh	0,18	0,49	0,79	151
7.	02	Kỹ thuật Điện	0,45	0,72	1,03	120
8.		Kỹ thuật ĐK&TĐH	2,38	-	-	250
9.		Điện tử-Truyền thông	1,18	1,48	-	335
10.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin – Truyền thông 1	1,96	2,28	2,58	100
11.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin – Truyền thông 2	2,92	-	-	200
12.		Toán Tin	-	-	-	38*
13.	03	Kỹ thuật Hóa học	1,05	1,35	-	360
14.		Hóa học	-	-	0,3	31
15.		KT In & Truyền thông	0,15	0,4	0,7	12*
16.		Kỹ thuật Thực phẩm	2,96	-	-	121
17.		Kỹ thuật sinh học	1,08	1,38	-	100
18.		Kỹ thuật Môi trường	0,76	1,06	1,36	120
19.	Khối CN công nghệ	Công nghệ chế tạo máy	1,12	1,33	-	122
20.		Cơ điện tử	1,76	-	-	140
21.		Công nghệ KT Ô-tô	-	-	0,19	101*
22.		Điều khiển-Tự động hóa	1,28	1,58	-	180
23.		Điện tử - Truyền thông	-	-	0,26	163
24.		Công nghệ thông tin	1,19	1,49	-	180
25.		Công nghệ hóa học	0,19	0,49	0,79	89
26.		Công nghệ thực phẩm	1,89	-	-	100

Ghi chú: * - Ngành còn thiếu chỉ tiêu

- Tất cả sinh viên đạt điểm xét theo NV1, NV2 hoặc NV3 được xếp theo đúng nguyện vọng. Những sinh viên không đạt cả 3 nguyện vọng sẽ được xếp vào một trong các ngành còn chỉ tiêu thuộc nhóm ngành.

2. Nhóm ngành theo nguyện vọng (00, 04, 05, 06)

- Sinh viên được xếp ngành theo nguyện vọng đăng ký. Số lượng sinh viên nhóm ngành KT0 đăng ký vào 3 ngành KT tàu thủy, Hóa học, KT In và Truyền thông được tính gộp vào các ngành trên theo bảng sau:

STT	Ngành/CTĐT	Số lượng xét	Nguyện vọng (nhóm KT0)	Tổng số
1	KT Tàu thủy	12	28	40
2	Hóa học	30	25	55
3	KT In & Truyền thông	15	10	25

- Các ngành Sư phạm kỹ thuật + KT Điện, KT Cơ khí, KT Cơ khí động lực không mở do số lượng đăng ký quá ít. Sinh viên đăng ký NV1 vào các ngành này sẽ được xét vào Sư phạm kỹ thuật + KT điện tử, truyền thông.

Số lượng SV các ngành:

STT	Ngành/CTĐT	Số lượng
1.	KT Vật liệu	67
2.	KT Vật liệu kim loại (luyện kim)	26
3.	KT Dệt May	158
4.	SPKT + CNTT	15
5.	SPKT + Điện tử, truyền thông	13
6.	Vật lý kỹ thuật	99
7.	KT hạt nhân	59
8.	Kinh tế công nghiệp	72
9.	Quản trị kinh doanh	48
10.	Kế toán	77
11.	Quản lý công nghiệp	93
12.	Tài chính – Ngân hàng	23

Hiện nay vẫn còn một số SV chưa nộp đơn đăng ký phân ngành, Phòng ĐTDH đã thông báo để SV nộp đơn xin phân ngành bổ sung vào các ngành còn chỉ tiêu.

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN NGÀNH K61Kính gửi: **CÁC VIỆN ĐÀO TẠO**

Căn cứ kết quả xử lý số liệu phân ngành cho sinh viên K61, Phòng Đào tạo Đại học thông báo kết quả để các Viện được biết như sau:

1. Nhóm ngành có điểm chuẩn (01, 02, 03 và Cử nhân Công nghệ)

- Điểm chuẩn NV1, NV2 và NV3:

TT	Nhóm ngành	Ngành/CTĐT	Điểm chuẩn NV1	Điểm chuẩn NV2	Điểm chuẩn NV3	Số lượng
1.	01	Kỹ thuật Cơ khí	1,21	1,35	1,60	485
2.		Kỹ thuật Cơ điện tử	3,25	-	-	150
3.		Kỹ thuật Cơ khí động lực	1,54	1,70	-	165
4.		Kỹ thuật tàu thủy	-	-	-	15
5.		Kỹ thuật Hàng không	-	-	0,26	48
6.		Kỹ thuật nhiệt lạnh	0,16	0,45	0,78	150
7.	02	Kỹ thuật Điện	0,45	0,72	1,03	120
8.		Kỹ thuật ĐK&TĐH	2,35	-	-	250
9.		Điện tử-Truyền thông	1,12	1,45	-	335
10.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin – Truyền thông 1	1,93	2,28	2,58	100
11.		CT Nhóm ngành Công nghệ Thông tin – Truyền thông 2	2,92	-	-	200
12.		Toán Tin	-	-	-	38*
13.	03	Kỹ thuật Hóa học	1,05	1,35	-	360
14.		Hóa học	-	-	0,3	31
15.		KT In & Truyền thông	0,15	0,4	0,7	12*
16.		Kỹ thuật Thực phẩm	2,96	-	-	121
17.		Kỹ thuật sinh học	1,08	1,38	-	100
18.		Kỹ thuật Môi trường	0,75	1,06	1,36	120
19.	Khối CN công nghệ	Công nghệ chế tạo máy	1,12	1,33	-	122
20.		Cơ điện tử	1,76	-	-	140
21.		Công nghệ KT Ô-tô	-	-	0,19	101*
22.		Điều khiển-Tự động hóa	1,25	1,56	-	180
23.		Điện tử - Truyền thông	-	-	0,26	163
24.		Công nghệ thông tin	1,16	1,43	-	180
25.		Công nghệ hóa học	0,16	0,47	0,79	89
26.		Công nghệ thực phẩm	1,85	-	-	100

Ghi chú: * - Ngành còn thiếu chỉ tiêu

- Tất cả sinh viên đạt điểm xét theo NV1, NV2 hoặc NV3 được xếp theo đúng nguyện vọng. Những sinh viên không đạt cả 3 nguyện vọng sẽ được xếp vào một trong các ngành còn chỉ tiêu thuộc nhóm ngành.

2. Nhóm ngành theo nguyện vọng (00, 04, 05, 06)

- Sinh viên được xếp ngành theo nguyện vọng đăng ký. Số lượng sinh viên nhóm ngành KT0 đăng ký vào 3 ngành KT tàu thủy, Hóa học, KT In và Truyền thông được tính gộp vào các ngành trên theo bảng sau:

STT	Ngành/CTĐT	Số lượng xét	Nguyện vọng (nhóm KT0)	Tổng số
1	KT Tàu thủy	15	25	40
2	Hóa học	35	20	55
3	KT In & Truyền thông	15	10	25

- Các ngành Sư phạm kỹ thuật + KT Điện, KT Cơ khí, KT Cơ khí động lực không mở do số lượng đăng ký quá ít. Sinh viên đăng ký NV1 vào các ngành này sẽ được xét vào Sư phạm kỹ thuật + KT điện tử, truyền thông.

Số lượng SV các ngành:

STT	Ngành/CTĐT	Số lượng
1.	KT Vật liệu	67
2.	KT Vật liệu kim loại (luyện kim)	26
3.	KT Dệt May	158
4.	SPKT + CNTT	15
5.	SPKT + Điện tử, truyền thông	13
6.	Vật lý kỹ thuật	99
7.	KT hạt nhân	59
8.	Kinh tế công nghiệp	72
9.	Quản trị kinh doanh	48
10.	Kế toán	77
11.	Quản lý công nghiệp	93
12.	Tài chính – Ngân hàng	23

Hiện nay vẫn còn một số SV chưa nộp đơn đăng ký phân ngành, Phòng ĐTDH đã thông báo để SV nộp đơn xin phân ngành bổ sung vào các ngành còn chỉ tiêu.

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC